

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN L

TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 36/2017/HSST

Ngày 30- 6 - 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Phạm Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Ngọc Tâm

2, Ông Nguyễn Trung Tĩnh

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh, Cán bộ Toà án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Chỗ ở: khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/10;

Bố đẻ: Nguyễn Hữu C (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T; Có vợ là: Trần Thị H, sinh năm 1965; Có 03 con: con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1987;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2016, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;

(Có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Hữu T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 26/12/2016, tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an xã X, huyện L đang làm nhiệm vụ tại xã X tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959, ĐKNKTT: ở tổ 17, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra, T tự lấy ra từ trong túi quần đang mặc và giao nộp 02 gói giấy nhỏ đều có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có chứa chất bột cục màu trắng, T khai nhận đó là ma túy Hêrôin. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ vật chứng gồm: 02 gói giấy nhỏ đều có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có chứa chất bột cục màu trắng; 230.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu ghi, đã qua sử dụng có số imei: 351580073346542, bên trong có gắn sim số 01695278318. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận:

Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng cuối tháng 11/2016, Nguyễn Hữu T gặp và hỏi mua ma túy Hêrôin của một người phụ nữ tên là T1 ở gần cầu K thuộc đường B, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Người phụ nữ đồng ý và bán cho T 01 gói Hêrôin với giá 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau đó T về quê chăm sóc mẹ ốm và ở tại nhà anh Nguyễn Hữu T2 (là anh trai của T) ở khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi về quê, T có mang theo gói ma túy mua được trên với mục đích sử dụng cho bản thân và nếu ai có nhu cầu mua thì T bán. Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2016, T đang ở nhà anh Nguyễn Hữu T2 thì có Lê Xuân T, sinh năm 1981 ở khu 7, xã X, huyện L gọi điện vào số điện thoại của T 01695278318 hỏi mua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ma túy Hêrôin. T đồng ý và hẹn Lê Xuân T đến cổng nhà. Khoảng 30 phút sau, Lê Xuân T đến và gọi T ra cổng, T đi từ nhà ra cổng gặp Lê Xuân T, tại đây Lê Xuân T đưa cho T 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), T cầm tiền và đưa lại cho Lê Xuân T 01 gói giấy có mặt ngoài màu vàng mặt trong màu trắng là ma túy Hêrôin rồi Lê Xuân T đi về và đã sử dụng hết số ma túy trên.

Đến khoảng 16 giờ ngày 26/12/2016, Nguyễn Hữu T đang ở nhà anh T2 thì Lê Xuân T gọi điện đến hỏi mua ma túy Hêrôin, T đồng ý bán cho Lê Xuân T và hẹn gặp Lê Xuân T ở cổng nhà anh T2. Sau đó T mang theo 02 gói Hêrôin cả 02 gói đều được gói bằng giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bên trong có chứa chất bột cục màu trắng được đúc trong túi quần đi từ trong nhà ra cổng gặp Lê Xuân T để bán ma túy Hêrôin cho Lê Xuân T. Tuy nhiên, khi gặp Lê Xuân T, T nghi Lê Xuân T là công an nên không bán cho Lê Xuân T và nói với Lê Xuân T không có đâu, rồi đi vào nhà. Sau đó T bị Công an tỉnh Phú Thọ kiểm tra, lập biên

bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như đã nêu trên. T khai số ma túy mà Công an thu giữ trên, T tàng trữ với mục đích sử dụng và ai có nhu cầu mua thì bán.

Trong quá trình điều tra T khai báo còn quanh co, chưa thành khẩn khai báo, lời khai của T còn nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ lấy lời khai T, T khai đã 15 lần bán ma túy Hêrôin cho Lê Xuân T với giá tiền từ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đến 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nhưng T chỉ nhớ được chi tiết 03 lần bán ma túy cho Lê Xuân T là lần đầu tiên bán ma túy cho Lê Xuân T và 02 lần vào ngày 26/12/2016. Do vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Công an huyện L nên đến ngày 29/12/2016 vụ án đã chuyển đến Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền. Công an huyện L tiến hành lấy lời khai, bản tự khai T thừa nhận 02 lần bán ma túy Hêrôin cho Lê Xuân T, sau đó tại các bản lấy lời khai, hỏi cung, bản kiểm điểm tiếp theo T chỉ thừa nhận 01 lần bán ma túy Hêrôin cho Lê Xuân T. Bản thân T và Lê Xuân T khai cả hai đã từng trao đổi, gọi điện liên lạc với nhau từ cuối tháng 11/2016, Lê Xuân T thừa nhận Lê Xuân T đã mua ma túy của T khoảng 15 lần, trong đó Lê Xuân T chỉ nhớ được chi tiết 03 lần cụ thể như T khai. Các lời khai ban đầu T thừa nhận việc giữa Lê Xuân T và T thường xuyên liên lạc điện thoại trao đổi hỏi và mua ma túy với nhau, sau đó T lại thay đổi nội dung khai nhận, T khai Lê Xuân T thường xuyên gọi điện hỏi mua ma túy của T nhưng T đều không bán, T chỉ bán cho Lê Xuân T 01 lần ma túy Hêrôin vào khoảng 12 giờ ngày 26/12/2016, còn đến khoảng 16 giờ cùng ngày qua trao đổi điện thoại T đồng ý bán cho Lê Xuân T nhưng đến khi Lê Xuân T đến chỗ hẹn thì T không bán vì T nghi Lê Xuân T là Công an xã nhưng lý do vì sao nghi Lê Xuân T là công an xã thì T không giải thích được. Quá trình điều tra đã làm rõ được việc T bán ma túy Hêrôin cho Lê Xuân T 01 lần vào buổi trưa ngày 26/12/2016, đối với các lần khác T bán ma túy cho Lê Xuân T không đủ căn cứ để chứng minh.

Ngày 26/12/2016, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định trưng cầu giám định thành phần, loại chất ma túy trong mẫu vật thu giữ được niêm phong của Nguyễn Hữu T.

Tại bản Kết luận giám định số 276 ngày 28/12/2016 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận:

“Mẫu vật gửi đến giám định ở dạng bột, cục màu trắng được chứa trong 02 (hai) gói giấy nhỏ đều có đặc điểm mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng: có tổng khối lượng là 0,499 gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong

Danh mục I, số thứ tự: 20, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ”.

Ngày 31/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung hàm lượng chất ma túy Hêrôin trong chất bột cục màu trắng ở trong phong bì niêm phong số 276/KLGĐ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ trả lại sau giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 1266 ngày 31/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận”

“Hàm lượng chất ma túy (Heroine) có trong mẫu vật gửi giám định là 66,329% (Sáu mươi sáu phẩy ba hai chín phần trăm). Heroine nằm trong Danh mục I, số thứ tự: 20, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ”.

Tại bản Cáo trạng số 35/KSĐT ngày 17/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, với tổng khối lượng chất bột cục màu trắng thu được của bị cáo là 0,499gam có Heroin. Hàm lượng chất ma túy Heroin là $0,499 \text{ gam} \times 66,329\% = 0,33\text{gam}$.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 42 tháng đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản riêng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau:

Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng cuối tháng 11/2016, Nguyễn Hữu T gặp và hỏi mua ma túy Hêrôin của một người phụ nữ tên là T1 ở gần cầu K, thuộc đường B, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Người phụ nữ đồng ý và bán cho T 01 gói Hêrôin với giá 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau đó T về quê chăm sóc mẹ ốm và ở tại nhà anh Nguyễn Hữu T2 (là anh trai của T) ở khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi về quê, T có mang theo gói ma túy mua được trên với mục đích sử dụng cho bản thân và nếu ai có nhu cầu mua thì T bán. Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2016, T đang ở nhà anh Nguyễn Hữu T2 thì có Lê Xuân T, sinh năm 1981 ở khu 7, xã X, huyện L gọi điện từ số 0904221568 vào số điện thoại của T 01695278318 hỏi mua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ma túy Hêrôin. T đồng ý và hẹn Lê Xuân T đến cổng nhà. Khoảng 30 phút sau, Lê Xuân T đến và gọi T ra cổng, T đi từ nhà ra cổng gặp Lê Xuân T, tại đây Lê Xuân T đưa cho T 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), T cầm tiền và đưa lại cho Lê Xuân T 01 gói giấy có mặt ngoài màu vàng mặt trong màu trắng là ma túy Hêrôin rồi Lê Xuân T đi về và đã sử dụng hết số ma túy trên. Sau khi mua được ma túy từ bị cáo T, anh Lê Xuân T đã sử dụng hết số ma túy đã mua nên không xác định được khối lượng ma túy mà T đã bán cho Lê Xuân T vào buổi trưa ngày 26/12/2016.

Đến khoảng 16 giờ 40 phút ngày 26/12/2016, tại khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an xã X, huyện L tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Hữu T và T tự lấy ra từ trong túi quần đang mặc, giao nộp 02 gói giấy nhỏ đều có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có chứa chất bột cục màu trắng, T khai nhận đó là ma túy Hêrôin, T tàng trữ với mục đích sử dụng, ai hỏi mua thì bán. Đối với các lần khác T khai bán ma túy cho Lê Xuân T, nhưng không đủ căn cứ để chứng minh.

Tại bản Kết luận giám định số 276 ngày 28/12/2016 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Phú Thọ và Kết luận giám định số 1266 ngày 31/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: “*Mẫu vật gửi đến giám định ở dạng bột, cục màu trắng được chứa trong 02 (hai) gói giấy nhỏ đều có đặc điểm mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng: có tổng khối lượng là 0,499 gam, có Heroine. “Hàm lượng chất ma túy (Heroine) có trong mẫu vật gửi giám định là 66,329% (Sáu mươi sáu phẩy ba hai chín phần trăm), trọng lượng Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự: 20, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ”*”. Trọng lượng Heroine nguyên chất trong tổng khối lượng 0,499 gam mẫu vật thu được trong túi quần của T là 0,33gam.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết quả giám định và các tài liệu khác có lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điểm b tiểu mục 3.5 mục 3 phần I thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC- BTP ngày 24/12/2007. Có đủ cơ sở để quy kết bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

K1. “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Như vậy, kết luận và viện dẫn của Kiểm sát viên tại phiên toà là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Hiện nay tệ nạn ma túy đang bị xã hội lên án mạnh mẽ, Đảng và Nhà nước ta đang có nhiều biện pháp nhằm đẩy lùi, dần dần loại bỏ tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội, nhưng chỉ vì mục đích lợi nhuận cá nhân của bị cáo đã tiếp tay cho loại tội phạm này ngày càng gia tăng, làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là nguyên nhân lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Nhân thân bị cáo là xấu, trước lần phạm tội này bị cáo đã hai lần bị Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Lào Cai xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cướp tài sản". Năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L Quyết định đưa Nguyễn Hữu T đi cai nghiện ma túy tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội thành phố L. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích, chấp hành xong việc cai nghiện, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật và khó cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội, nên phải xét xử thật nghiêm khắc đối với bị cáo thì mới có thể cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Mặc dù, trong quá trình điều tra bị cáo còn quanh co, lời khai còn mâu thuẫn, tuy nhiên tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là con của người có công với Cách mạng: Bố đẻ của bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tặng Bằng khen kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ

luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên tại điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng*". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 29/6/2016, hướng dẫn về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "*Điều luật.....quy định một tình tiết giảm nhẹ mới... có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*" ... để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy bị cáo Nguyễn Hữu T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với người bán ma túy Heroin cho bị cáo T, theo bị cáo khai tên là T1, ở phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Qua xác minh của cơ quan Điều tra tại phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai không có người phụ nữ nào tên T1, có đặc điểm như T đã khai nên không có cơ sở để xử lý, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ sau là phù hợp.

Đối với Lê Xuân T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm Khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Xuân T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo là phù hợp.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu ghi, đã qua sử dụng có số imei: 351580073346542 của bị cáo T sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy. Cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với: 01 bì niêm phong theo Kết luận giám định số 1266/KLGD - PC54 ngày 31/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (Mép dán đều được đóng 6 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc), là mẫu vật còn lại sau giám định và một thẻ sim sim số 01695278318 gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu ghi, số imei: 351580073346542 của bị cáo Thu không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 30.000đồng (Ba mươi nghìn đồng) của bị cáo không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với việc anh Lê Xuân T khai có sử dụng điện thoại của mình liên lạc với T để mua ma túy, nhưng anh Lê Xuân T khai điện thoại đã bị mất, cơ quan Điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xem xét là phù hợp

Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b tiểu mục 3.5 mục 3 phần I thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC- BTP ngày 24/12/2007.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 46 (Bốn mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2016.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và một điện thoại di động nhãn hiệu Viettel - V6216, màu ghi, đã qua sử dụng có số imei: 351580073346542 của bị cáo T;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong theo Kết luận giám định số 1266/KLGD - PC54 ngày 31/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (Mép dán đều được đóng 6 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc), là mẫu vật còn lại sau giám định; Một thẻ sim số

01695278318 gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Viettel - V6216 màu ghi, số imei: 351580073346542 của bị cáo T;

- Trả lại cho bị cáo số tiền 30.000đồng (Ba mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 6 năm 2017).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Lưu: HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng